

QUAN ĐIỂM VỀ CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG DỰ THẢO VĂN KIẾN ĐẠI HỘI LẦN THỨ XIV CỦA ĐẢNG

TS. HOÀNG THỊ QUYÊN

Học viện Chính trị khu vực IV

Ngày tiếp nhận: 30/11/2025 Ngày bình duyệt: 08/12/2025 Ngày duyệt đăng: 20/12/2025

• **Tóm tắt:** Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội lần thứ XIV đã xác định một cách rõ ràng, cụ thể các nguyên tắc, mục tiêu và giải pháp giúp Việt Nam kiến tạo mô hình tăng trưởng mới có khả năng thích ứng tốt hơn với những tác động không mong muốn do biến đổi khí hậu gây ra. Trên cơ sở nêu bật kết quả thực hiện quan điểm Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII và những điểm mới trong Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội lần thứ XIV của Đảng về chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế thích ứng với biến đổi khí hậu, bài viết cho thấy sự thay đổi trong cách tiếp cận giải quyết thách thức về phát triển trong bối cảnh biến đổi khí hậu từ bị động ứng phó, khắc phục hậu quả sang chủ động phòng ngừa, kiểm soát rủi ro và phục hồi hệ sinh thái, đồng thời coi trọng bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân.

• **Từ khóa:** Chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế, Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội lần thứ XIV của Đảng, thích ứng với biến đổi khí hậu

Dưới tác động ngày càng nghiêm trọng của biến đổi khí hậu, tốc độ tăng trưởng kinh tế và việc hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều thách thức. Gia tăng hạn mặn ở đồng bằng sông Cửu Long, xói lở bờ biển, bờ sông, thiên tai cực đoan diễn ra liên tiếp tại nhiều vùng miền trên cả nước đã và đang làm gián đoạn sản xuất, đe dọa sinh kế của hàng triệu người dân. Trong bối cảnh đó, yêu cầu

chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế, thích ứng với biến đổi khí hậu trở nên cấp bách hơn bao giờ hết.

1. Kết quả thực hiện quan điểm của Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII về chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế, thích ứng với biến đổi khí hậu

Với đường bờ biển dài 3.260 km và nhiều đô thị, khu sản xuất lớn nằm tập trung ở các khu ven biển, Việt Nam là một

trong số các quốc gia chịu tác động nặng nề của nước biển dâng và các hiện tượng thời tiết cực đoan. Tổn thất kinh tế do biến đổi khí hậu khoảng 3,2% GDP vào năm 2020 và được dự báo tiếp tục gia tăng nhanh chóng trong những thập niên tới¹. Có thể thấy, biến đổi khí hậu đang tạo ra những tác động ngày càng rõ nét đối với tiến trình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Các đánh giá gần đây cho thấy mức độ dễ bị tổn thương của kết cấu hạ tầng, năng suất lao động và vốn xã hội trước rủi ro khí hậu đang làm hạn chế khả năng đạt được mục tiêu phát triển dài hạn của Việt Nam². Những tác động sâu rộng này không chỉ đặt ra thách thức đối với mục tiêu duy trì tốc độ tăng trưởng, mà còn đòi hỏi phải đổi mới căn bản tư duy phát triển theo hướng chủ động thích ứng. Theo đó, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế không còn là lựa chọn mà là nhiệm vụ chiến lược để bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, an ninh phát triển và chất lượng tăng trưởng trong dài hạn. Nhận thức sâu sắc về những thách thức do biến đổi khí hậu gây ra, Văn kiện Đại hội lần thứ XIII đã chỉ ra ba nguyên tắc định hướng cho quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế, thích ứng với biến đổi khí hậu như sau:

Một là, chuyển từ tư duy “ứng phó” sang “chủ động thích ứng” với biến đổi khí hậu, coi đây không chỉ là nhiệm vụ môi trường mà là điều kiện tiên quyết để bảo đảm phát triển bền vững. Văn kiện khẳng định: “Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh; quản lý khai thác sử dụng hợp lý, tiết kiệm hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường

sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường; bảo đảm chất lượng môi trường sống; bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn thân thiện với môi trường”³. Quan điểm này không chỉ thay đổi cách tiếp cận truyền thống là “giảm nhẹ tác động” mà hướng tới chủ động dự báo, chuẩn bị và tích hợp yêu cầu thích ứng vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Trong chuyển đổi mô hình tăng trưởng, “chủ động thích ứng” hàm ý rằng mô hình tăng trưởng kinh tế mới phải được thiết kế theo hướng tăng cường khả năng chống chịu, phục hồi, giảm rủi ro thông qua việc nâng cao tính linh hoạt của các ngành, các vùng và các hệ thống kinh tế - xã hội. Chủ động thích ứng cũng đồng nghĩa với việc lồng ghép biến đổi khí hậu vào quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, đầu tư công và chiến lược phát triển doanh nghiệp, thay vì coi đây là nhiệm vụ riêng của lĩnh vực môi trường.

Hai là, Văn kiện Đại hội lần thứ XIII đã thiết lập nguyên tắc phát triển cốt lõi là không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế. Quan điểm này được cụ thể hóa trong các quy định về “Quản lý và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu”⁴. Đây là bước chuyển tư duy quan trọng, phản ánh sự nội hóa chi phí môi trường vào cấu trúc kinh tế, coi bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu là tiêu chuẩn, điều kiện và động lực để kiến tạo khả năng chống chịu và đảm bảo phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế được coi là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm đổi mới mô hình tăng trưởng và nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả cũng như sức cạnh tranh của nền kinh tế, thích ứng với biến đổi khí hậu. Văn kiện nhấn mạnh: “Đổi mới mạnh mẽ và có hiệu quả mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao”⁵. Trong đó cần “Cơ cấu lại các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ theo hướng tập trung phát triển các lĩnh vực, các sản phẩm có tiềm năng lợi thế, nhiều hàm lượng công nghệ có sức cạnh tranh và giá trị gia tăng cao”⁶. Những quan điểm nêu trên cho thấy rõ định hướng của Đảng trong việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng truyền thống dựa chủ yếu vào khai thác tài nguyên và lao động giá rẻ sang mô hình tăng trưởng dựa vào công nghệ, đổi mới sáng tạo và kinh tế xanh, gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường thích ứng với biến đổi khí hậu.

Ba là, Văn kiện Đại hội lần thứ XIII khẳng định, phát triển bền vững là một tiến trình tích hợp, không chỉ bao gồm tăng trưởng kinh tế mà còn phải gắn kết chặt chẽ với tiến bộ và công bằng xã hội. Điều này thể hiện qua yêu cầu “Quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, nghiêm minh, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội”⁷. Đồng thời nhấn mạnh “Giải quyết hài hòa các quan hệ xã hội, kiểm soát phân tầng xã hội,...”⁸. Trên cơ sở đó, Văn kiện đề ra các định hướng chiến lược nhằm kiến tạo một xã hội có khả năng chống chịu, bao gồm: thúc đẩy

giảm nghèo đa chiều bền vững, ưu tiên hỗ trợ các cộng đồng chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu; xây dựng và hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội thích ứng với rủi ro khí hậu ngày càng gia tăng và tổ chức lại không gian dân cư, lao động theo hướng giảm thiểu rủi ro thiên tai, đặc biệt tại các khu vực dễ bị tổn thương như đồng bằng sông Cửu Long.

Bốn là, xây dựng thể chế được xác định là một trong ba đột phá chiến lược để dẫn dắt quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế thích ứng với biến đổi khí hậu. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII nhấn mạnh: “Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển trước hết là thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”⁹. Để thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế thích ứng với biến đổi khí hậu trong suốt nhiệm kỳ vừa qua Đảng và Nhà nước đã đẩy mạnh hoàn thiện hệ thống luật pháp về môi trường, năng lượng, khí hậu, thiết lập các công cụ kinh tế như: định giá carbon, thị trường tín chỉ carbon và cơ chế khuyến khích doanh nghiệp chuyển đổi xanh hay xây dựng thể chế quản trị rủi ro khí hậu, tăng cường phân cấp, phân quyền, nâng cao năng lực dự báo, giám sát và khả năng thích ứng của chính quyền các cấp.

Để có cơ sở khoa học và thực tiễn định hướng quá trình phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh mới, Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội lần thứ XIV của Đảng đã tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII. Những kết quả chính trong thực hiện quan điểm Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII về chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế thích ứng với biến đổi khí hậu được khái quát trong Bảng 1.

Bảng 1: Kết quả thực hiện quan điểm Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII về chuyển đổi mô hình kinh tế thích ứng với biến đổi khí hậu

Nội dung đánh giá	Thành tựu đạt được	Hạn chế, thách thức
<p>1. Việc thực hiện nguyên tắc “Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu”</p>	<p>Các chính sách về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu được triển khai rộng khắp; hệ thống pháp lý từng bước hoàn thiện. Công tác dự báo, cảnh báo được cải thiện nhờ đầu tư vào hạ tầng quan trắc và cập nhật mô hình khí tượng, phù hợp nhận định “Quản lý và sử dụng tài nguyên; bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai được tăng cường; thể chế, chính sách từng bước được hoàn thiện; năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu được nâng lên; sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, các địa phương chặt chẽ, hiệu quả hơn”¹⁰.</p>	<p>Mặc dù có tiến bộ nhưng năng lực thích ứng còn hạn chế. Chất lượng của các dự báo tác động của biến đổi khí hậu chưa đồng đều, dẫn tới hiệu quả cảnh báo sớm chưa cao.</p> <p>Khả năng thích ứng của cộng đồng chưa được cải thiện rõ rệt; các giải pháp giảm phát thải vẫn hạn chế. “Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu còn bị động, chấp hành chưa nghiêm”¹¹. Thực trạng này thể hiện khoảng cách giữa mục tiêu chủ động thích ứng và mức độ thực thi.</p>
<p>2. Việc thực hiện nguyên tắc “Không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế” thông qua tái cơ cấu kinh tế</p>	<p>Tái cơ cấu kinh tế được duy trì theo xu hướng tích cực. “Tỉ trọng khu vực công nghiệp và dịch vụ trong GDP tăng từ 78,6% năm 2020 lên 80,4% năm 2025; khu vực nông nghiệp giảm từ 12,7% xuống còn 11,6%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm khoảng 8,0%. Nền kinh tế bước đầu được cơ cấu lại theo hướng số hóa, xanh hóa...”¹². Đây là bằng chứng cho thấy tiến trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với định hướng “số hóa, xanh hóa, nâng cấp chuỗi giá trị”</p>	<p>Quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với tái cơ cấu diễn ra chậm, chưa tạo chuyển biến đủ mạnh để giảm ô nhiễm tại các cụm công nghiệp, lưu vực sông và làng nghề. “Tình trạng ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, lưu vực sông, làng nghề chưa có nhiều chuyển biến. Các hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học tiếp tục suy giảm, nhất là chất lượng và tính đa dạng sinh học của rừng. Ô nhiễm môi trường biển một số nơi còn diễn ra nghiêm trọng, các hệ sinh thái biển, đa dạng sinh học biển bị suy giảm. Chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai còn có mặt hạn chế; năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu chưa có bước cải thiện rõ rệt. Các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính còn hạn chế”¹³.</p>

<p>3. Việc thực hiện nguyên tắc “Tăng trưởng kinh tế gắn kết với tiến bộ và công bằng xã hội”</p>	<p>Nguồn lực cho an sinh xã hội được ưu tiên, mức bao phủ mở rộng; chính sách chuyển từ “ổn định” sang “phát triển” góp phần nâng cao khả năng bảo vệ nhóm dễ tổn thương. Số người hưởng trợ giúp xã hội thường xuyên được mở rộng, năm 2025 có hơn 3,5 triệu người hưởng trợ giúp thường xuyên trong đó trên 55% là người cao tuổi¹⁴.</p>	<p>“Sự phân hóa giàu - nghèo, bất bình đẳng xã hội có xu hướng gia tăng”¹⁵. Các chính sách an sinh chưa đủ mạnh để giảm phân hóa giàu - nghèo. Hệ thống an sinh chưa theo kịp rủi ro khí hậu mới, đặc biệt tại các vùng dễ tổn thương.</p>
<p>4. Việc thực hiện đột phá chiến lược về xây dựng thể chế</p>	<p>Nhiều văn bản liên quan đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và thi hành pháp luật được sửa đổi, giúp tháo gỡ vướng mắc trong triển khai dự án và thúc đẩy phân cấp - phân quyền. Công tác chỉ đạo đầu tư công tập trung vào các dự án trọng điểm, giảm tình trạng dàn trải. Khung pháp lý về lồng ghép thích ứng biến đổi khí hậu đã được ban hành, tạo nền tảng thể chế quan trọng.</p>	<p>Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vẫn thiếu đồng bộ: khung pháp lý chưa đủ mạnh để huy động hiệu quả nguồn lực xã hội. Nhiều cơ chế về quản lý tài nguyên và bảo tồn đa dạng sinh học còn chồng chéo, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển. Việc lồng ghép biến đổi khí hậu vào quy hoạch và chính sách chưa được thực hiện hiệu quả.</p>

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội lần thứ XIV của Đảng (2025)

2. Những điểm mới về chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế thích ứng với biến đổi khí hậu trong Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội lần thứ XIV của Đảng

Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội lần thứ XIV của Đảng xác định “Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ngày càng gay gắt”¹⁶. Mức độ thiệt hại về kinh tế - xã hội bắt nguồn từ biến đổi khí hậu và môi trường có thể sẽ “trầm trọng hơn do quy hoạch kém và quản lý tài nguyên thiên nhiên không bền vững”¹⁷. Theo đó, các chiến lược mới hiện nay không chỉ cần nhấn mạnh vào giảm thiểu tác động nghiêm trọng của biến đổi

khí hậu đến tăng trưởng mà còn phải đầu tư đáng kể vào việc xây dựng khả năng phục hồi¹⁸. Trên tinh thần đó, Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội lần thứ XIV của Đảng đề xuất một số định hướng lớn như sau:

Một là, tiếp tục khẳng định nguyên tắc chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Việc thực hiện tốt nguyên tắc này có ý nghĩa quyết định đối với tiến trình phát triển bền vững quốc gia. Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội lần thứ XIV xác định: “Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu”¹⁹. Định hướng trên cho

thấy sự thay đổi trong cách tiếp cận từ bị động ứng phó, khắc phục hậu quả sang chủ động phòng ngừa, kiểm soát rủi ro và phục hồi hệ sinh thái, đồng thời coi bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân là mục tiêu tiên quyết. Bên cạnh đó, Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội lần thứ XIV không chỉ đề cập đến nguyên tắc mà còn chỉ ra những định hướng hành động mang tính hệ thống và toàn diện để ổn định sinh kế, bảo đảm an toàn cho người dân; nâng cao khả năng chống chịu dài hạn của nền kinh tế thông qua các hành động cụ thể như: chủ động triển khai thực hiện đồng bộ các biện pháp sẵn sàng ứng phó với các loại hình thiên tai. Chú trọng đầu tư phát triển các công trình bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện hiệu quả chương trình phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long; triển khai chương trình phòng, chống lũ lụt, sạt lở vùng trung du và miền núi. Chủ động di dời, tái định cư người dân ở các khu vực có rủi ro thiên tai cao.

Hai là, lồng ghép nội dung thích ứng biến đổi khí hậu vào các biện pháp thực hiện chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế. Theo đó, việc xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa không chỉ hướng đến nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, mà còn tích hợp mục tiêu nâng cao khả năng chống chịu trước các cú sốc khí hậu, giảm phụ thuộc vào mô hình tăng trưởng dựa trên khai thác tài nguyên. Dự thảo các

Văn kiện trình Đại hội lần thứ XIV xác định: “Xác lập mô hình tăng trưởng mới với mục tiêu là nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính; tạo ra sức sản xuất và phương thức sản xuất mới chất lượng cao, trọng tâm là kinh tế dữ liệu, kinh tế số; đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực”²⁰. Để xác lập mô hình tăng trưởng mới có ba định hướng chiến lược cần thực hiện, bao gồm:

(1) Chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế dựa vào khai thác tài nguyên thiên nhiên, sử dụng năng lượng hóa thạch và mở rộng sản xuất theo chiều rộng sang mô hình tăng trưởng xanh, giảm phát thải carbon. Đây được xem như là một trong những giải pháp để thích ứng với biến đổi khí hậu. Cách tiếp cận này phù hợp với xu hướng chuyển đổi đang diễn ra ở nhiều quốc gia trên thế giới. Ngân hàng thế giới chỉ ra rằng, “Mặc dù Việt Nam chỉ đóng góp khoảng 0,8% lượng khí thải nhà kính toàn cầu, nhưng các biện pháp giảm thiểu lại nằm trong lợi ích quốc gia. Để duy trì khả năng cạnh tranh, Việt Nam sẽ cần giảm phát thải carbon trong lĩnh vực năng lượng và thực hiện các hành động trong các lĩnh vực nông nghiệp, vận tải và sản xuất”²¹.

(2) Chuyển đổi mô hình tăng trưởng thông qua việc phát triển kinh tế tri thức, phát triển khoa học công nghệ; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính tạo ra sức sản

xuất và phương thức sản xuất mới. Đây là định hướng nhằm giảm cường độ sử dụng tài nguyên và mức độ phát thải, tạo nền tảng cho việc thực hiện các mục tiêu tăng trưởng trong dài hạn.

(3) Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ thông qua tăng cường năng lực sản xuất các ngành công nghiệp chiến lược. Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội lần thứ XIV xác định: “Hoàn thiện thể chế để nâng cao năng lực tự chủ của nền kinh tế và hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, sức mạnh tổng hợp và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển các doanh nghiệp Việt Nam”²². Định hướng trên cho thấy, nhận thức sâu sắc của Đảng về những rủi ro đứt gãy chuỗi cung ứng do xung đột địa chính trị và cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gây ra. Việc xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ giúp Việt Nam giảm phụ thuộc vào một số thị trường, một số ngành trọng yếu và tăng khả năng chống chịu trước các cú sốc bên ngoài. Đây là bước phát triển trong tư duy hội nhập giúp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Định hướng tập trung nâng cao năng lực sản xuất ở những ngành công nghiệp then chốt cho thấy mục tiêu nâng cao sức mạnh nội lực của nền kinh tế thông qua việc hình thành năng lực sản xuất mới và thúc đẩy tăng trưởng dựa trên nền tảng công nghệ, đổi mới sáng tạo, thay vì tăng trưởng dựa vào tài nguyên và lao động giá rẻ.

Ba là, Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội lần thứ XIV đề xuất một số giải pháp nhằm chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh

tế thích ứng với biến đổi khí hậu trong bối cảnh mới. Trên thực tế, các ngành sản xuất của Việt Nam hiện vẫn sử dụng đất, nước, năng lượng và tài nguyên sinh học với mức độ cao hơn so với nhiều quốc gia khác. Thực trạng này dẫn đến tình trạng suy giảm tài nguyên, gia tăng phát thải và ảnh hưởng xấu đến môi trường. Theo đó, nhu cầu cấp thiết hiện nay là phải chuyển đổi mô hình tăng trưởng, từ cách tiếp cận dựa nhiều vào khai thác tài nguyên và sử dụng kém hiệu quả các yếu tố đầu vào sang mô hình phát triển dựa trên quản lý bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên thông qua mô hình kinh tế xanh, kinh tế carbon thấp và đổi mới sáng tạo. Trong bối cảnh đó, Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội lần thứ XIV đã đề xuất một số giải pháp trọng tâm nhằm đẩy mạnh quá trình chuyển đổi giúp nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu:

(1) Chuyển đổi mô hình tăng trưởng khu vực nông thôn thông qua phát triển nông nghiệp xanh, sinh thái và tuần hoàn; mở rộng các vùng sản xuất hàng hóa chất lượng cao gắn với chế biến sâu, chuyển đổi số và xây dựng chuỗi giá trị bền vững.

(2) Nâng cao năng lực cạnh tranh của khu vực dịch vụ thông qua phát triển các ngành dịch vụ giá trị gia tăng cao, hình thành các trung tâm tài chính, thương mại tự do thế hệ mới, hệ thống logistics hiện đại và thương hiệu quốc gia trong du lịch, dịch vụ văn hóa.

(3) Hoàn thiện thể chế quản lý tài nguyên, môi trường và khí hậu, bao gồm xây dựng khung pháp lý về kinh tế tuần hoàn, kinh tế carbon thấp, thiết lập sàn

giao dịch tín chỉ cacbon, áp dụng hệ thống giám sát môi trường thời gian thực và kiểm soát chặt chẽ khí thải của các doanh nghiệp lớn. Song hành với đó là tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm vi phạm môi trường, nhằm khắc phục ô nhiễm đô thị, nhất là tại các trung tâm lớn như Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

(4) Bên cạnh các cải cách kinh tế, môi trường, Dự thảo cũng nhấn mạnh vai trò của đối ngoại đa phương và hội nhập quốc tế, coi đây là kênh quan trọng để thu hút công nghệ xanh, nguồn lực tài chính khí hậu và tham gia định hình các chuẩn mực quốc tế mới.

(5) Hoàn thiện thể chế phát triển xã hội theo hướng bao trùm và bền vững, bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội, quản trị cộng đồng, sáng tạo và thích ứng với các thách thức như biến đổi khí hậu, chuyển đổi số và già hóa dân số.

Nhìn chung, hệ thống giải pháp được đề xuất mang tính toàn diện, kết nối chặt chẽ giữa kinh tế - xã hội và môi trường, đồng thời phản ánh rõ định hướng dài hạn nhằm thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững, nâng cao khả năng chống chịu với tác động của biến đổi khí hậu, phù hợp với xu thế phát triển hiện nay.

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế, thích ứng với biến đổi khí hậu không chỉ là một lựa chọn mà đã trở thành một nhiệm vụ mang tính chiến lược, có ý nghĩa sống còn đối với việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam trong bối cảnh mới. Để chuyển đổi thành công mô hình

tăng trưởng kinh tế dựa phần nhiều vào khai thác tài nguyên, giá nhân công rẻ sang mô hình tăng trưởng mới giúp nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu không chỉ đòi hỏi có quyết tâm chính trị cao mà còn phải có chiến lược rõ ràng với các nguyên tắc, mục tiêu và giải pháp cụ thể. Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội lần thứ XIV của Đảng đã xác định rõ các nguyên tắc, định hướng ưu tiên và những giải pháp trọng tâm cho việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng hướng tới phát triển bền vững. Các định hướng phát triển được xác định một cách rõ ràng, cụ thể tạo ra một khung khổ chính sách vững chắc giúp Việt Nam tận dụng được cơ hội để kiến tạo mô hình tăng trưởng mới, hiện đại và có khả năng phục hồi tốt hơn với những tác động không mong muốn do biến đổi khí hậu gây ra. Việc cụ thể hóa và triển khai hiệu quả các định hướng này sẽ là chìa khóa cho việc đạt được các mục tiêu phát triển bền vững của quốc gia trong giai đoạn tới. ■

1, 2, 17, 18, 21 International Bank for Reconstruction and Development, the World Bank (2022): *Vietnam Country Climate and Development Report*, https://vepg.vn/wp-content/uploads/2022/07/CCDR-Full-report_01.07_FINAL-1.pdf?, tr.1, 2, 6, 1.

3,4,5,6,7,8,9 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, t.I, tr.116 - 117, 152, 43, 121, 116, 148, 203.

10, 15, 16, 19, 20, 22 Đảng Cộng sản Việt Nam (2025): *Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*, ngày 14/10/2025, tr.3, 12, 18, 33, 23, 22 - 23.

11, 12, 13, 14 Đảng Cộng sản Việt Nam (2025): *Dự thảo đánh giá 5 năm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030*, ngày 14/10/2025, tr.26, 3, 26 - 27, 15.